

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM: TÒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Hữu Cường*

Ngày nhận: 4/3/2015

Ngày nhận bản sửa: 01/5/2015

Ngày duyệt đăng: 30/10/2015

Tóm tắt:

Báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ của các công ty niêm yết (CTNY) ở Việt Nam được lập và công bố tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 27 (Bộ Tài chính, 2005) và Thông tư 52/2012/TT-BTC (Bộ Tài chính, 2012). Cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào chỉ ra đâu là những điểm yếu trong công bố thông tin của loại Báo cáo tài chính này. Nghiên cứu này áp dụng phương pháp phân tích nội dung để đánh giá mức độ tuân thủ đối với yêu cầu công bố thông tin trong Báo cáo tài chính giữa của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán) Hà Nội và thành phố (TP) Hồ Chí Minh. Nội dung nghiên cứu chỉ rõ bảy chỉ tiêu mà các công ty niêm yết thường ít công bố nhất hoặc là công bố không đầy đủ. Từ đó, đề xuất phương hướng khắc phục tình trạng này trên cả hai phương diện là thực hành công tác kế toán đối với các đơn vị công bố thông tin và ban hành chính sách đối với cơ quan quản lý.

Từ khoá: Báo cáo tài chính giữa niên độ, công bố thông tin, VAS 27

Mandatory Disclosure in the Intertim Financial Reports of Firms Listed on the Stock Exchanges of Vietnam: Situation and Solutions

Abstract

Vietnamese listed firms prepare and disclose their interim financial reports in conformity with Vietnamese Accounting Standard (VAS) 27 and Circular 52/2012/TT-BTC. To date, there are no studies empirically documenting the disclosure items in interim financial reports which are less complied with the regulations. This paper applies content analysis method to examine levels of interim financial reporting disclosure compliance by firms listing on HaNoi Stock Exchange and HoChiMinh Stock Exchange. The findings reveal seven disclosure items which listed firms show less compliance with the disclosure requirements. Accordingly, the study provide suggestions, both for practitioners and policy makers, to improve the disclosure levels of interim financial reporting.

Keywords: Interim financial reporting, disclosure, VAS 27

1. Giới thiệu

Công bố thông tin có ý nghĩa quan trọng nhằm đảm bảo tính minh bạch của thị trường chứng khoán thông qua việc giảm thiểu tác động của sự bất đối xứng thông tin, từ đó đảm bảo hài hoà lợi ích của

các bên. Thông tin công bố trên các Báo cáo tài chính của doanh nghiệp (DN) có thể bao gồm cả thông tin bắt buộc (được doanh nghiệp cung cấp vì phải tuân thủ các quy định) và thông tin tự nguyện (được doanh nghiệp cung cấp ngoài những quy định

bắt buộc). Đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ, cả chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam (Bộ Tài chính, 2005 – VAS 27, đoạn 5 và đoạn 12) và chuẩn mực kế toán quốc tế (Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế, 2011– IAS 34, đoạn IN6) đều quy định thông tin được công bố phải đáp ứng được yêu cầu chủ yếu là cập nhật và giải thích các sự kiện cũng như những thay đổi có tính quan trọng để giúp người sử dụng thông tin hiểu được biến động về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế là rất nhiều thông tin được cho là quan trọng nhưng không được trình bày trên các Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong khi đó, các nghiên cứu về công bố thông tin ở nước ta cũng như các nước trong khu vực nói chung chưa chỉ ra đâu là điểm yếu (so với quy định của chế độ kế toán) trong việc trình bày loại Báo cáo tài chính. Việc làm nổi bật được đâu là tồn tại trong việc trình bày nội dung của Báo cáo tài chính giữa niên độ sẽ có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với người lập và người sử dụng, mà còn cả đối với cơ quan chịu trách nhiệm ban hành chính sách kế toán (hiện tại là Bộ Tài chính). Với tinh thần đó, nghiên cứu này tập trung làm rõ đâu là các chỉ tiêu ít được tuân thủ nhất trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty niêm yết ở Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra gợi ý về mặt thực hành công tác kế toán (lập Báo cáo tài chính) cũng như đề xuất về mặt chính sách nhằm giúp cho thị trường chứng khoán có được những Báo cáo tài chính giữa niên độ với mức tuân thủ cao và có ý nghĩa hơn cho người sử dụng.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Các nghiên cứu trong lĩnh vực công bố thông tin đã có một lịch sử phát triển lâu dài. Mặc dù vậy, cho đến ngày nay không có một lý thuyết đơn lẻ nào được vận dụng thống nhất trong các nghiên cứu trước đây để giải thích mức độ tuân thủ trong công bố thông tin trên Báo cáo tài chính (Bellora Lucia và Guenther Thomas W, 2013; Cotter Julie và cộng sự, 2011). Mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp được giải thích bởi nhiều lý thuyết khác nhau. Thế nhưng, điểm chung của các lý thuyết này là mức độ tuân thủ phụ thuộc vào sự cân nhắc (thỏa hiệp) chi phí – lợi ích liên quan đến thông tin được công bố (Bellora Lucia và Guenther Thomas W, 2013; Depoers Florence, 2000). Điều này hoàn toàn hợp quy luật bởi vì sự không tuân thủ với bất kỳ một luật nào chỉ có thể là lỗi do thiếu kiến thức (không cố ý) hoặc là chủ ý không tuân thủ với hy vọng được

lợi nhiều hơn từ việc không tuân thủ (Elffers Henk và cộng sự, 2003). Vận dụng trong lĩnh vực công bố thông tin, điều này gợi ý rằng các doanh nghiệp sẽ có động cơ tuân thủ (hoặc không tuân thủ) công bố thông tin nếu điều đó mang lại lợi ích nhiều hơn (hoặc bất lợi nhiều hơn) cho doanh nghiệp. Do vậy, bằng chứng định lượng chỉ ra đâu là điểm yếu trong công bố thông tin đối với doanh nghiệp sẽ là cơ sở để định hướng cho doanh nghiệp hoàn thiện hơn về công tác lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (nếu đó là lỗi không cố ý) và cũng là cơ sở để điều chỉnh chính sách (nếu đó là chủ ý của doanh nghiệp).

Phương pháp chung nhất để đánh giá mức độ tuân thủ (hoặc tự nguyện) về công bố thông tin Báo cáo tài chính được thực hiện thông qua việc xây dựng danh mục các chỉ tiêu phải (hoặc nên) trình bày. Trên cơ sở danh mục đã hình thành, nhà nghiên cứu đánh giá thực tế Báo cáo tài chính đã tuân thủ (hoặc tự nguyện) công bố chỉ tiêu nào; và do vậy phương pháp này được xem là một dạng của phương pháp phân tích nội dung (Beattie Vivien và cộng sự, 2004). Trong nghiên cứu này, việc đánh giá tồn tại đối với công bố thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa vào danh mục các chỉ tiêu phải trình bày được quy định tại các đoạn khác nhau của VAS 27 (Bộ Tài chính, 2005), gồm các đoạn từ 7 đến 11, cũng như đoạn 13 và 15. Cụ thể, nếu công ty niêm yết có trình bày hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ chỉ tiêu (x) phải công bố theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán và hướng dẫn tương ứng tại mục III, điểm 2.4.4 của Thông tư 20/2006/TT-BTC (Bộ Tài chính, 2006) thì được xem là *tuân thủ*, ngược lại là *không tuân thủ*. Chẳng hạn, VAS 27 (đoạn 13.b) yêu cầu doanh nghiệp phải “giải thích về tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ”. Nếu công ty niêm yết công bố rõ hoạt động của đơn vị chịu (hay không chịu) ảnh bởi tính thời vụ hoặc chu kỳ, tức là công ty niêm yết đã tuân yêu cầu về công bố thông tin đối với chỉ tiêu này.

Về mẫu khảo sát: việc đánh giá mức độ tuân thủ về công bố thông tin được thực hiện trên cả Báo cáo tài chính Quý II năm 2012 và Báo cáo tài chính bán niên 2012 của 100 công ty niêm yết có giá trị vốn hoá thị trường lớn nhất ở Việt Nam (theo cơ sở dữ liệu Osiris) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong số đó, 18 đơn vị niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và còn lại 82 đơn vị niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Xét theo ngành (chuẩn phân loại các ngành công nghiệp toàn cầu - GICS) thì số lượng công ty niêm yết trong từng ngành lần lượt là: Tài chính 27, Công nghiệp 20, Vật liệu 18, Hàng tiêu dùng thiết yếu 13, Năng lượng 6, Điện nước 5, Hàng tiêu dùng không thiết yếu 4, Chăm sóc sức khoẻ 4, và Công nghệ thông tin 3.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Trên cơ sở vận dụng phương pháp nội dung, nghiên cứu này đã đo lường mức độ tuân thủ về công bố thông tin theo trong 100 Báo cáo tài chính Quý II năm 2012 và 100 Báo cáo tài chính bán niên năm 2012 của các công ty niêm yết ở Việt Nam. Kết quả khảo sát (được trình bày ở Bảng 1) cho thấy các công ty niêm yết thường vi phạm (không tuân thủ) đối với yêu cầu trình bày các chỉ tiêu sau (sắp xếp theo mức độ giảm dần về mức độ vi phạm) trên cả Báo cáo tài chính Quý II và Báo cáo tài chính bán niên năm 2012, mặc dù mức độ tuân thủ đối với loại Báo cáo tài chính bán niên có cao hơn.

Để có cái nhìn khái quát hơn, mức độ tuân thủ của các chỉ tiêu này được so sánh với mức độ tuân thủ với chuẩn mực kế toán quốc tế về Báo cáo tài chính giữa niên độ (IAS 34) trên Báo cáo tài chính Quý II năm 2012 của 100 công ty niêm yết có giá trị vốn hoá thị trường cao nhất ở Malaysia (Sở giao dịch chứng khoán Bursa Malaysia) và Philippines (Sở giao dịch chứng khoán Philippines) cũng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo cơ sở dữ liệu Osiris. Việc lựa chọn các công ty niêm yết ở Malaysia và Philippines như vậy nhằm đảm bảo tính tương đồng trong việc so sánh mức độ tuân thủ yêu

cầu công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của chúng với của 100 công ty niêm yết ở Việt Nam (cũng có giá trị vốn hoá lớn nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 của cùng một cơ sở dữ liệu, như đã trình bày ở trên).

Bảng 1 (chỉ tiêu 1) cho thấy gần như toàn bộ các công ty niêm yết được khảo sát ở nước ta không tuân thủ yêu cầu “giải thích về tính thời vụ hoặc chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ” đối với cả Báo cáo tài chính Quý II và Báo cáo tài chính bán niên 2012. Trong số các đơn vị được khảo sát, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) là đơn vị duy nhất tuân thủ. Trong khi đó, mức độ tuân thủ yêu cầu công bố thông tin này của các công ty niêm yết ở Malaysia và Philippines là rất cao, tương ứng là 99% và 89%. Trong số đó, có hơn một nửa (59 công ty niêm yết ở Malaysia và 66 công ty niêm yết ở Philippines) khai báo là “Kết quả kinh doanh/hoạt động của đơn vị không chịu ảnh hưởng của bất kỳ ảnh hưởng nào bởi yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ” hoặc đơn giản chỉ trình bày là “không có gì để khai báo”.

Tương tự, tỷ lệ các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh không tuân thủ yêu cầu công bố về chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ so với chính sách kế toán đã áp dụng trong Báo cáo tài chính năm gần nhất là khá cao (Bảng 1– chỉ tiêu 2): 88% đối với Báo cáo tài chính bán niên và 90% đối với Báo cáo tài chính Quý II. Ngược lại, con số này đối với Malaysia và Philippines tương ứng chỉ có 7% và 4%.

Bảng 1: Các chỉ tiêu ít được công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chỉ tiêu	VAS 27 (đoạn)	IAS 34 (đoạn)	1H12 ^(*) (Việt Nam)	2Q12 ^(*) (Việt Nam)	2Q12 ^(*) (Malaysia)	2Q12 ^(*) (Phi-lip-pin)
1. Tính thời vụ/chu kỳ	13(b)	16A(b)	99%	99%	1%	11%
2. Chính sách kế toán	13(a)	16A(a)	88%	90%	7%	4%
3. Lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu	10	11	72%	98%	16%	11%
4. Công bố tuân thủ chuẩn mực kế toán	15	19	72%	77%	100%	63%
5. Công bố cổ tức	13(f)	16A(f)	60%	81%	22%	36%
6. Thông tin báo cáo bộ phận	13(g)	16A(g)	52%	82%	41%	50%
7. Sự kiện sau ngày báo cáo	13(h)	16A(h)	42%	80%	1%	26%

Ghi chú: ^() Số liệu của các cột này là tỉ lệ vi phạm (không tuân thủ) được tính bằng tổng số công ty niêm yết không công bố mục thông tin được yêu cầu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ chia cho số CNTY được chọn làm mẫu (100). Để đảm bảo tính tin cậy của kết quả tính toán, mức độ tuân thủ của 10% trong tổng số từng loại Báo cáo tài chính đã được đánh giá bởi một nghiên cứu viên độc lập. Kết quả đánh giá của nghiên cứu viên và của tác giả là giống nhau (ngoại trừ với Malaysia là 95%).*

Nguồn: Tổng hợp từ khảo sát và tính toán của tác giả.

Đối với yêu cầu công bố chỉ tiêu lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Bảng 1 – chỉ tiêu 3), tỷ lệ các công ty niêm yết ở Việt Nam không tuân thủ cũng khá cao: 72% đối với Báo cáo tài chính bán niên và 98% đối với Báo cáo tài chính Quý II và chênh lệch khá xa so với Malaysia (16%) và Philippines (11%). Tuy nhiên, khác với hai chỉ tiêu trên, yêu cầu công bố chỉ tiêu lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu theo VAS 27 chưa được rõ so với IAS 34. Đoạn 11 của IAS 34 (Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế, 2011) quy định rất rõ (về từ ngữ), cụ thể là đơn vị lập báo cáo phải trình bày cả chỉ tiêu lợi nhuận cơ bản trên một cổ phiếu (*basic earnings per share*) và lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu (*diluted earnings per share*) (đoạn 11 – IAS 34). Trong khi đó, trong đoạn 10 của VAS 27 (Bộ Tài chính, 2005) sử dụng khái niệm “*Lợi nhuận trên một cổ phiếu trước và sau ngày phân phối*” thay vì dùng thuật ngữ thống nhất với IAS và chuẩn mực kế toán của các nước là lợi nhuận cơ bản và pha loãng trên một cổ phiếu. Ngoài ra, Thông tư 20/2006/TT-BTC (Bộ Tài chính, 2006) cũng không có giải thích gì thêm (hoặc nhấn mạnh) việc trình bày chỉ tiêu lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu. Điều này có thể đã ảnh hưởng “tiêu cực” đến việc trình bày chỉ tiêu trên. Chẳng hạn, các công ty niêm yết có thể nghĩ rằng việc trình bày chỉ tiêu lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu là không cần thiết (hoặc thậm chí là không được yêu cầu). Với lý do đó, việc kém tuân thủ đối với yêu cầu này có lẽ được xem là sai sót mang tính kỹ thuật thì hợp lý hơn là việc đơn vị lập báo cáo che giấu thông tin mang tính nhạy cảm. Đặc biệt với thực tế là tỉ lệ tuân thủ yêu cầu trình bày chỉ tiêu lợi nhuận cơ bản trên một cổ phiếu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty niêm yết ở Việt Nam được khảo sát là khá cao: 99% đối với Báo cáo tài chính bán niên và 79% đối với Báo cáo tài chính Quý II.

Tiếp đến, rất nhiều công ty niêm yết không tuân thủ yêu cầu về tuyên bố sự tuân thủ với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (Bảng 1 – chỉ tiêu 4). Tuyên bố tuân thủ này bao gồm hai phần là về chế độ kế toán và về chuẩn mực kế toán. Đặc biệt, điểm nhấn của yêu cầu này là doanh nghiệp phải tuyên bố rõ Báo cáo tài chính công bố có được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không. Thế nhưng, nếu tính cả việc tuyên bố rất chung chung bằng việc nêu rằng Báo

cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán ban hành theo các Quyết định của Bộ Tài chính về việc ban hành chuẩn mực kế toán (gồm năm đợt khác nhau) thì tỉ lệ không tuân thủ vẫn rất cao: 70% đối với Báo cáo tài chính bán niên và 77% đối với Báo cáo tài chính Quý II năm 2012.

Đối với việc công bố về cổ tức (Bảng 1 – chỉ tiêu 5): Về bản chất, đây là thuyết minh về việc đơn vị lập báo cáo có (hay không) chia (hoặc công bố) cổ tức cho kỳ giữa niên độ; và nếu có trả (hoặc công bố) thì phải giải trình rõ chỉ tiêu tổng số cổ tức và cổ tức trên mỗi cổ phần. Thông tin về quyết định chia (hoặc đã thanh toán) cổ tức giữa niên độ này cũng chỉ được rất ít công ty niêm yết ở Việt Nam trình bày, mặc dù mở đầu cho đoạn 13 của VAS 27 (Bộ Tài chính, 2005) có nhấn mạnh “các thông tin này cần phải trình bày trên cơ sở lý kể từ đầu niên độ đến ngày lập báo cáo”. Tỉ lệ không tuân thủ yêu cầu thuyết minh chỉ tiêu này của các công ty niêm yết ở Việt Nam đối với Báo cáo tài chính bán niên (60%) và Quý II (81%) cao hơn đáng kể so với Malaysia (22%) và Philippines (36%).

Đối với thông tin về doanh thu và kết quả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý (Bảng 1 – chỉ tiêu 6), tỉ lệ không tuân thủ có sự chênh lệch đáng kể giữa Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính Quý II công bố bởi các công ty niêm yết ở Việt Nam. Tuy nhiên, tỉ lệ không tuân thủ đối với Báo cáo tài chính bán niên của các công ty niêm yết ở nước ta (52%) không có chênh lệch nhiều so với Malaysia (41%) và Philippines (50%). Sự khác biệt đáng kể về mức độ tuân thủ yêu cầu trình bày thông tin doanh thu và kết quả bộ phận trên Báo cáo tài chính Quý II và Báo cáo tài chính bán niên phản ánh rõ nét ảnh hưởng tích cực từ việc soát xét của kiểm toán đối với chất lượng Báo cáo tài chính giữa niên độ. Cụ thể là, rất nhiều công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh “phải” trình bày thông tin doanh thu và kết quả bộ phận trong Báo cáo tài chính bán niên, trong khi đó chỉ tiêu này lại không được công bố trên Báo cáo tài chính Quý II.

Việc trình bày chỉ tiêu sự kiện trọng yếu phát sinh sau kỳ kế toán giữa niên độ (Bảng 1 – chỉ tiêu 7) cũng là một điểm yếu trong công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ, đặc biệt là Báo cáo tài chính Quý II với tỉ lệ không tuân thủ đến 80%. Thế nhưng, với các công ty niêm yết ở Malaysia thì

việc tuân thủ yêu cầu này là gần như tuyệt đối và các công ty niêm yết ở Philippines cũng tuân thủ khá cao trong việc giải trình có (hay không) phát sinh sự kiện sau kỳ Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đáng chú ý là, không ít các công ty niêm yết ở Malaysia và Philippines thuyết minh rằng “không có phát sinh sự kiện trọng yếu nào sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ”, tương ứng là 36% và 45%.

4. Kết luận và kiến nghị giải pháp

Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng định lượng làm cơ sở đánh giá những tồn tại trong công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty niêm yết ở Việt Nam trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Ngoài ra, để việc đánh giá được khách quan hơn và có cơ sở hơn cho việc đề xuất phương hướng khắc phục, những điểm yếu trong công bố thông tin được so sánh với thực tế công bố thông tin của các công ty niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán Bursa Malaysia và Sở giao dịch chứng khoán Philippines. Kết quả phân tích nội dung của các Báo cáo tài chính bán niên cho thấy, các điểm yếu tập trung ở bảy (7) khoản mục khai báo chủ yếu (được tóm tắt ở Bảng 1). So với Malaysia và Philippines thì mức độ tuân thủ của các công ty niêm yết ở Việt Nam là kém nhất, và đặc biệt là đối với Báo cáo tài chính

Quý II. Mức độ tuân thủ có khá hơn đối với Báo cáo tài chính bán niên nhưng vẫn còn thua xa Malaysia và Philippines. Việc cải thiện mức độ tuân thủ không chỉ phụ thuộc vào các đơn vị công bố thông tin mà cả cơ quan ban hành chính sách về công bố thông tin.

Đối với các đơn vị công bố thông tin

Để cải thiện mức độ tuân thủ về công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ, đặc biệt khắc phục những điểm yếu cơ bản như đã thảo luận ở phần trên, các công ty niêm yết ở Việt Nam nên cân nhắc những gợi ý sau (xem tóm tắt ở Bảng 2).

Đối với việc thuyết minh về ảnh hưởng tính thời vụ, chính sách kế toán áp dụng, và sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán (Bảng 2 – chỉ tiêu 1, 2 và 7), có thể đơn vị lập báo cáo đã bỏ qua việc công bố các chỉ tiêu này trên sở sở đánh giá và vận dụng tính trọng yếu theo đoạn 9 của VAS 01 (Bộ Tài chính, 2002) và đoạn 13 của VAS 27 (Bộ Tài chính, 2005). Theo đó, các chỉ tiêu trên cần phải được trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính nếu chúng trọng yếu, có nghĩa là nếu chúng không được công bố hoặc công bố thiếu chính xác thì Báo cáo tài chính có thể bị sai lệch đáng kể, và do vậy ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng. Tính trọng yếu này không chỉ phụ thuộc vào độ lớn mà còn cả

Bảng 2: Phương hướng hoàn thiện công bố các chỉ tiêu có mức độ tuân thủ kém

Chỉ tiêu công bố	Cải thiện từ phía đơn vị lập báo cáo	Sửa đổi và hoàn thiện về mặt chế độ kế toán
1. Tính thời vụ/chu kỳ	Cần ghi rõ có <i>hay không</i> chịu ảnh hưởng trong thuyết minh Báo cáo tài chính và trình bày ảnh hưởng (nếu có).	Yêu cầu công bố rõ kỳ báo cáo có (<i>hay không</i>) chịu ảnh hưởng.
2. Chính sách kế toán	Tuyên bố rõ chính sách kế toán áp dụng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ so với Báo cáo tài chính năm gần nhất.	Thông tư hướng dẫn cần nêu rõ yêu cầu này.
3. Lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu	Trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và trên phần thuyết minh.	Quy định rõ hơn về yêu cầu công bố chỉ tiêu này.
4. Công bố tuân thủ chuẩn mực kế toán	Tuyên bố rõ việc lập, trình bày Báo cáo tài chính có <i>hay không</i> tuân thủ VAS 27.	Thông tư hướng dẫn cần thể hiện rõ yêu cầu này.
5. Công bố cổ tức	Thuyết minh cụ thể về việc công bố và chi trả cổ tức cho kỳ giữa niên độ.	Thông tư hướng dẫn cần quy định cụ thể hơn.
6. Thông tin báo cáo bộ phận	Tuyên bố rõ đơn vị có <i>hay không</i> phải lập báo cáo bộ phận theo VAS 28 cũng như Thông tư 20/2006/TT-BTC, và công bố doanh thu, kết quả, ... của từng bộ phận nếu phải lập.	Yêu cầu đơn vị lập Báo cáo tài chính tuyên bố rõ ngay cả trường hợp không thuộc đối tượng phải lập báo cáo bộ phận.
7. Sự kiện sau ngày báo cáo	Tuyên bố rõ đơn vị có <i>hay không</i> phát sinh sự kiện sau kỳ báo cáo giữa niên độ và thuyết minh (nếu có).	Yêu cầu công bố rõ có (<i>hay không</i>) phát sinh sự kiện sau kỳ báo cáo.

Nguồn: Tổng hợp từ các đề xuất của tác giả.

tính chất của thông tin, và phải được đánh giá trên cả phương diện định lượng và định tính. Với bản chất như trên, thông tin có trọng yếu (hay không trọng yếu) và theo đó là phải thuyết minh (hay không thuyết minh) phụ thuộc vào đánh giá (chủ quan) của đơn vị (người) lập báo cáo; mặc dù người sử dụng thông tin ắt là rất mong muốn những thông tin này phải được công bố một cách minh bạch. Tuy nhiên, người sử dụng không thể kiểm chứng được rằng vì không trọng yếu nên các thông tin trên không được các công ty niêm yết công bố bởi vì họ là những người sử dụng thông tin *bên ngoài* và đương nhiên không thể tiếp cận được số liệu và tình hình thực tế của đơn vị để đánh giá tính trọng yếu. Do vậy, vẫn là tốt hơn cho người sử dụng nếu công ty niêm yết lựa chọn giải pháp công bố rõ ràng “*chỉ tiêu này không được trình bày vì không có phát sinh hoặc không trọng yếu*”, như cách mà các công ty niêm yết ở Malaysia và Philippines đã làm. Cách công bố như thế thực sự chưa đáp ứng được yêu cầu về chiều sâu (mức độ chi tiết) của thông tin, nhưng chỉ ít công ty niêm yết cũng đã tuân thủ việc công bố các chỉ tiêu này.

Đối với việc trình bày chỉ tiêu lợi nhuận pha loãng trên một cổ phiếu (Bảng 2 – chỉ tiêu 3), mức độ tuân thủ thấp của các công ty niêm yết ở Việt Nam có thể là theo lệ thường của đơn vị báo cáo một khi quy định của chế độ không được rõ ràng. Cụ thể, ngoài việc quy định chưa rõ trong đoạn 10 của VAS 27 (Bộ Tài chính, 2005) như đã phân tích, nhiều công ty niêm yết còn nêu lý do rằng đơn vị chưa tính được (và do vậy chưa công bố) chỉ tiêu này vì chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính (chẳng hạn Báo cáo tài chính bán niên 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, 2012, trang 54). Một số các công ty niêm yết khác lại có giải trình chỉ tiêu này trên phần thuyết minh Báo cáo tài chính (chẳng hạn Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2012 của Công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín, 2012, trang 59) nhưng lại không trình bày con số cụ thể trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như được yêu cầu. Tuy nhiên, cả hai trường hợp công bố và giải trình như trên, *về nguyên tắc*, đều bị đánh giá là không tuân thủ yêu cầu công bố thông tin.

Tương tự, mức độ tuân thủ thấp của các công ty niêm yết ở Việt Nam đối với yêu cầu tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán (Bảng 2 - chỉ tiêu 4) cũng có thể ảnh hưởng bởi thông lệ thuyết minh việc tuân

thủ chính sách và chế độ kế toán như thường được trình bày trên Báo cáo tài chính năm mà quên mất yêu cầu về tuyên bố tuân thủ có tính chất đặc thù đối với loại Báo cáo tài chính giữa niên độ này. Vì rập khuôn theo kiểu thuyết minh về chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng như đã phân trình bày trong Báo cáo tài chính năm, đại đa số các công ty niêm yết không có tuyên bố tuân thủ với VAS 27 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Thay vào đó, các công ty niêm yết thường tuyên bố chung chung là tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, và các văn bản pháp lý có liên quan. Việc tuyên bố như vậy, *về nguyên tắc*, vẫn bị đánh giá vi phạm yêu cầu tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán. Việc tuyên bố tuân thủ với yêu cầu này phải nêu rõ là “...Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ...” (như trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên 2012 của Công ty cổ phần Dược Hậu Giang, 2012, trang 15).

Đối với công bố về cổ tức phải chia và đã thanh toán trong kỳ giữa niên độ (Bảng 2 – chỉ tiêu 5): Các công ty niêm yết thường trình bày chỉ tiêu Cổ tức phải trả (chi tiết trong TK 338) hoặc trong phần thuyết minh về thay đổi của vốn chủ sở hữu nhưng không chi tiết rõ đây là tổng cổ tức được chia (phải thanh toán) tương ứng với kỳ kế toán nào (năm tài chính trước hay kỳ báo cáo hiện tại). Việc thuyết minh rõ kỳ kế toán của số cổ tức đã chia (đã công bố) rất có ý nghĩa với người sử dụng thông tin vì có những trường hợp việc chia cổ tức hàng năm được trì hoãn đến hơn một niên độ kế toán. Chẳng hạn, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (2012, trang 54) chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2010 nhưng chính thức được quyết định trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Ngoài ra, một số công ty niêm yết chỉ công bố rất chung chung “chia cổ tức” trong phần thuyết minh “Biến động vốn chủ sở hữu” (chẳng hạn như Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2012 của Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Long, 2012, trang 24).

Cách trình bày như vậy không thể giúp được gì cho việc đánh giá liệu rằng công ty niêm yết có tuân thủ hay không yêu cầu về công bố cổ tức. Có lẽ các đơn vị lập báo cáo nghĩ rằng người đọc có thể “ngâm hiểu” được việc chia cổ tức đề cập như trên là chia cổ tức từ lợi nhuận của năm trước vì đại hội cổ đông thường niên thường diễn ra trong khoảng

Bảng 3: Thuyết minh về công bố và chia cổ tức giữa niên độ

Chỉ tiêu	Ngày công bố (Theo Quyết định ... của ...)	Kỳ kế toán hiện tại (Chặng hạn từ 01/01/N đến 30/06/N)	Số cùng kỳ năm trước (Chặng hạn từ 01/01/N-1 đến 30/06/N-1)
Cổ tức phải trả đầu kỳ		xxx	xxx
Cổ tức đã công bố trong kỳ			
Cổ tức đã trả trong kỳ			
Cổ tức phải trả cuối kỳ		xxx	xxx

thời gian 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, điều này phải được trình bày rõ hơn là cổ tức được chia (được công bố) này là cho giai đoạn kinh doanh nào (tương ứng với lợi nhuận của thời kỳ nào – năm trước hay lợi nhuận trong kỳ báo cáo). Ngoài ra, ngay cả trường hợp có công bố tạm phân phối cổ tức tương ứng với lợi nhuận của kỳ kế toán giữa niên độ, các đơn vị báo cáo vẫn chưa công bố rõ cổ tức được chia trên một cổ phiếu. Thay vào đó, các đơn vị này thường công bố chia cổ tức theo tỷ lệ phần trăm trên vốn điều lệ. Để việc công bố chỉ tiêu này có ý nghĩa hơn, các doanh nghiệp có thể trình bày như trong Bảng 3 - trên cơ sở theo dõi chi tiết của TK 338(8).

Ngoài ra, nếu công ty niêm yết công bố chia cổ tức sau ngày báo cáo giữa niên độ, thì cần phải thể hiện rõ điều này bởi vì số cổ tức dự kiến được chia này chưa được phản ánh vào TK 338(8) và chúng có thể được xem như là một trong các sự kiện trọng yếu phát sinh sau kỳ báo cáo. Với trường hợp này, công ty niêm yết cần thuyết minh rõ về Quyết định chia cổ tức (thời gian của quyết định, tổng số cổ tức và cổ tức trên mỗi cổ phần, cũng như thời gian thanh toán dự kiến).

Đối với công bố thông tin về bộ phận kinh doanh (Bảng 2 - chỉ tiêu 6): Việc trình bày thông tin về bộ phận kinh doanh (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) là cần thiết nếu giữa chúng có sự khác biệt về chiến lược kinh doanh, phương thức quản lý, chiến lược tiếp thị, rủi ro cũng như lợi ích, và thể chế chính trị... Thông tin bộ phận là cơ sở để doanh nghiệp phân bổ nguồn lực cho các bộ phận một cách có hiệu quả và đánh giá thành tích hoạt động của từng bộ phận do chúng được lập trên cơ sở cách thức tổ chức quản lý cũng như sắp xếp hoạt động kinh doanh chính yếu của doanh nghiệp (có thể theo lĩnh vực hay thị trường kinh doanh). Vì thế, thông tin bộ phận kinh doanh rất quan trọng đối với người sử dụng, giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu được rõ hơn đâu là chỉ tiêu chủ yếu mà quản trị doanh nghiệp đặc biệt quan tâm (Herrmann

Don và Thomas Wayne B., 1997). Đặc biệt, thuyết minh về doanh thu và lợi nhuận bộ phận kinh doanh là rất hữu ích đối với các nhà phân tích vì chúng là cơ sở giúp họ dự đoán được doanh thu và lợi nhuận (hợp nhất) của đơn vị báo cáo (Mande Vivek và Ortman Richard, 2002). Tuy nhiên, tỷ lệ các công ty niêm yết ở Việt Nam vi không tuân thủ về công bố thông tin bộ phận kinh doanh rất cao (52% và 82% tương ứng với Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính Quý II năm 2012 – xem Bảng 1, chỉ tiêu 6) trong khi đó hầu hết các doanh nghiệp đều kinh doanh đa ngành nghề (thông tin này thường được thuyết minh trong phần đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp), có mạng lưới hoạt động kinh doanh trong nhiều khu vực địa lý khác nhau (nhiều tỉnh thành hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam). Đây là yếu tố khiến người sử dụng thông tin đòi hỏi phải được cung cấp thông tin về bộ phận kinh doanh. Do vậy, ngay cả khi doanh nghiệp không thoả mãn điều kiện phải khai báo thông tin bộ phận thì cũng cần lý giải điều này trên bản thuyết minh Báo cáo tài chính, có thể mới thể hiện sự tuân thủ và do vậy đáp ứng được đòi hỏi của người sử dụng Báo cáo tài chính.

Việc không trình bày các chỉ tiêu này có thể do nhiều lý do bao gồm cả việc chưa tổ chức kế toán chi tiết đáp ứng yêu cầu lập báo cáo bộ phận. Chặng hạn với trường hợp của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (2012, trang 51) giải trình rõ đơn vị này chưa cung cấp thông tin về thu nhập và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh bởi vì hệ thống thông tin quản lý để thu thập các thông tin này chưa được thiết lập. Để khắc phục được nhược điểm này, các doanh nghiệp cần phải căn cứ vào thực tế, định hướng cũng như chiến lược phát triển trong tương lai để tổ chức tốt hệ thống thông tin kế toán đáp ứng được yêu cầu quản lý, trong đó bao gồm việc theo dõi doanh thu, chi phí, và kết quả của từng bộ phận kinh doanh. Ngoài ra, với những doanh nghiệp có điều kiện và lợi thế của việc ứng dụng tin học hoá công tác kế toán hoặc hệ thống hoạch định

nguồn lực doanh nghiệp, thông tin bộ phận kinh doanh sẽ hữu ích nếu doanh nghiệp công bố cả việc phân bổ một cách có ý nghĩa phần tài sản và nguồn vốn cho từng bộ phận kinh doanh.

Đối với cơ quan ban hành chính sách

Nhằm khắc phục những yếu điểm trong công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như đã trình bày trong Bảng 2, Bộ Tài chính (cơ quan hiện tại trực tiếp ban hành các quy định về kế toán) nên chẳng cần nhắc những gợi ý sau.

Một là, như đã thảo luận ở mục 3, nhiều công ty niêm yết ở Malaysia và Philippines trình bày rõ các chỉ tiêu được yêu cầu khai báo hoặc thuyết minh nhưng không thích hợp (*inapplicable*) đối với đơn vị, thay vì “im lặng” để người sử dụng Báo cáo tài chính phải phán đoán việc có hay không công ty niêm yết che giấu thông tin và như vậy là không tuân thủ quy định về công bố thông tin. Đối với các công ty niêm yết ở Malaysia, việc công bố rõ những chỉ tiêu không thích hợp (hay nói cách khác là không có thông tin để thuyết minh) là tuân thủ theo quy định về niêm yết và công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Bursa Malaysia (2012). Tuy nhiên, việc tuyên bố như vậy đối với các công ty niêm yết ở Philippines có thể xem như là một tập quán bởi vì chế độ công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ của Philippines không có các quy định bắt buộc như đối với Malaysia. Việc các công ty niêm yết ở Philippines có thói quen công bố rõ các chỉ tiêu không thích hợp đối với Báo cáo tài chính của đơn vị rõ ràng là có ý nghĩa đối với người sử dụng thông tin hơn là để người sử dụng ngầm hiểu về chúng. Thế nhưng, các công ty niêm yết ở nước ta chưa có được tập quán này. Chính vì thế, Bộ Tài chính hoặc là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh nên chẳng quy định bổ sung, chẳng hạn như “Với những chỉ tiêu phải công bố nhưng đơn vị không có thông tin để trình bày vì chúng không phù hợp thì đơn vị phải có chú thích rõ điều này trên phần thuyết minh Báo cáo tài chính”

Hai là, việc không tuân thủ có thể do quy định chưa được rõ của chế độ kế toán (chuẩn mực và các thông tư hướng dẫn) cũng như chế độ công bố thông tin, điển hình là trường hợp công bố lợi nhuận suy giảm trên một cổ phiếu (như đã thảo luận ở mục 3). Do vậy, tương ứng với mỗi một trường hợp (xem

Bảng 2), Bộ Tài chính nên đánh giá lại một cách kỹ lưỡng tính rõ ràng của từng yêu cầu và ban hành văn bản hướng dẫn cũng như giám sát quá trình thực hiện để thúc đẩy các doanh nghiệp ngày càng tuân thủ tốt hơn về công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ba là, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh nên soát xét kịp thời các Báo cáo tài chính giữa niên độ được các công ty niêm yết công bố. Căn cứ vào đó, Sở giao dịch chứng khoán kịp thời yêu cầu các công ty niêm yết giải trình hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu chưa tuân thủ như cách làm của Sở giao dịch chứng khoán Philippines. Cụ thể, tất cả các Báo cáo tài chính của các công ty niêm yết ở Philippines đều được soát xét kịp thời bởi Ủy ban chứng khoán và ngoại hối. Sau khi soát xét, các công ty niêm yết sẽ được thông báo bằng thư nêu rõ những khoản mục thông tin cần được giải trình và theo đó, các công ty niêm yết trên sẽ nộp lại bộ Báo cáo tài chính sửa đổi kèm theo giải trình những thông tin đã được điều chỉnh hoặc làm rõ hơn.

Mặc dù có đóng góp cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, nghiên cứu này không thể tránh khỏi một số tồn tại do phạm vi (mẫu) khảo sát. Thứ nhất, bởi vì số công ty niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh không cân đối nên kết quả khảo sát chưa tách các công ty niêm yết trong mẫu khảo sát theo từng Sở giao dịch chứng khoán nhằm so sánh mức độ tuân thủ về công bố thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, từ đó đánh giá ảnh hưởng có thể có về mặt chính sách của từng Sở giao dịch chứng khoán đến thực tiễn công bố thông tin của các công ty niêm yết. Thứ hai, vì số lượng các công ty trong từng nhóm ngành khá chênh lệch và tương đối ít trong từng ngành nên kết quả khảo sát cũng chưa thực hiện được việc tổng hợp và so sánh theo nhóm ngành công nghiệp nhằm đánh giá những tác động có thể có do đặc thù của từng ngành đến mức độ tuân thủ về công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do vậy, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu để đánh giá những tác động này nhằm đề xuất những giải pháp riêng gắn với từng Sở giao dịch chứng khoán cũng như từng ngành công nghiệp. □

Tài liệu tham khảo

- Beattie Vivien, McInnes Bill và Fearnley Stella (2004), 'A methodology for analysing and evaluating narratives in annual reports: A comprehensive descriptive profile and metrics for disclosure quality attributes', *Accounting Forum*, số 28, tập 3, tr. 205-236.
- Bellora Lucia và Guenther Thomas W. (2013), 'Drivers of innovation capital disclosure in intellectual capital statements: Evidence from Europe', *The British Accounting Review*, số 45, tập 4, tr. 255-270.
- Bộ Tài chính (2002), *Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2)*, ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2002.
- Bộ Tài chính (2005), *Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4)*, ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2005.
- Bộ Tài chính (2006), *Thông tư số 20/2006/TT-BTC hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính*, ban hành ngày ngày 20 tháng 03 năm 2006.
- Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 52/2012/TT-BTC Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*, ban hành ngày 05 tháng 04 năm 2012.
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (2012), *Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2012/SSI_12Q2_BCTC_HNSX.pdf>.
- Công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín (2012), *Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <<http://www.sacomreal.com.vn/uploads/files/BCTC%20HN%2006%20THANG%202012.pdf>>.
- Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (2012), *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2012/DHG_12Q2_BCTC_HNSX.pdf>.
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (2012), *Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2012/HAG_12Q2_BCTC_HNSX.pdf>.
- Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Long (2012), *Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2012/HLG_12Q2_BCTC_HNSX.pdf>.
- Cotter Julie, Lokman Norziana và Najah Muftah M. (2011), 'Voluntary disclosure research: Which theory is relevant?', *The Journal of Theoretical Accounting Research*, số 6, tập 2, tr. 77-95.
- Depoers Florence (2000), 'A cost benefit study of voluntary disclosure: some empirical evidence from French listed companies', *European Accounting Review*, số 9, tập 2, tr. 245-263.
- Elffers Henk, Van der Heijden Peter và Hezemans Merlijn (2003), 'Explaining Regulatory Non-compliance: A Survey Study of Rule Transgression for Two Dutch Instrumental Laws, Applying the Randomized Response Method', *Journal of Quantitative Criminology*, số 19, tập 4, tr. 409-439.
- Herrmann Don và Thomas Wayne B. (1997), 'Geographic segment disclosures: Theories, findings, and implications', *The International Journal of Accounting*, số 32, tập 4, tr. 487-501.
- Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (2011), *Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế - Phần A*, London, Ủy ban sáng lập chuẩn mực kế toán quốc tế.
- Mande Vivek và Ortman Richard (2002), 'Are recent segment disclosures of Japanese firms useful? Views of Japanese financial analysts', *The International Journal of Accounting*, số 37, tập 1, tr. 27-46.
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (2012), *Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2012/EIB_12Q2_BCTC_HNSX.pdf>.
- Sở giao dịch chứng khoán Bursa Malaysia (2012), *Quy định về niêm yết*, truy cập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ <http://www.bursamalaysia.com/misc/regulation_rules_bm_main_LR.pdf>.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Hữu Cường**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kế toán tài chính và công bố thông tin

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí kế toán (nay là Tạp chí Kế toán & Kiểm toán)*, *Tạp chí Tài chính*, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, *Corporate Ownership & Control*

- Địa chỉ email: cuonghien@gmail.com;